

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **852**/UBNDT-DTTS
V/v thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-
TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày **24** tháng **5** năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây gọi là Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), Ủy ban Dân tộc¹ và Bộ Tài chính² đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Để thống nhất thực hiện chính sách đối với người có uy tín, Ủy ban Dân tộc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) tiếp tục chỉ đạo Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện:

1. Công nhận và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín

a) Điều kiện, số lượng lựa chọn người có uy tín

- Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với các trường hợp:

+ Thôn, bản, làng, phum, sóc, tổ dân phố và tương đương (sau đây gọi chung là thôn) thuộc xã, phường, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây gọi chung là xã) có tối thiểu 03 hộ gia đình dân tộc thiểu số³, căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) quyết định việc lựa chọn, công nhận 01 (một) người có uy tín/thôn theo quy định.

+ Thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi⁴: Thực hiện lựa chọn, công nhận người có uy tín theo quy định sau khi có danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

¹ Công văn số 2460/UBNDT-DTTS ngày 29/12/2023; Công văn số 128/UBNDT-DTTS ngày 24/01/2024 và Công văn số 182/UBNDT-DTTS ngày 31/01/2024 của Ủy ban Dân tộc.

² Công văn số 4176/BTC-NSNN ngày 22/4/2024 của Bộ Tài chính.

³ Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tại Biểu mẫu số 02 (Biên bản họp liên tịch thôn) quy định: Cuộc họp phải có tối thiểu 03 hộ gia đình dân tộc thiểu số của thôn dự họp, giám sát và ký tên trong biên bản liên tịch.

⁴ Đối với các thôn không thuộc xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Công nhận và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín

- Thực hiện phân cấp từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận, đưa ra khỏi danh sách người có uy tín của huyện sau khi có ý kiến thống nhất của Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và các ngành chức năng liên quan.

- Trình tự, thủ tục công nhận, đưa ra khỏi danh sách và bổ sung, thay thế người có uy tín thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

c) Định kỳ hằng năm các huyện thực hiện rà soát, tổng hợp số lượng, danh sách người có uy tín báo cáo gửi Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp chung người có uy tín của toàn tỉnh (theo Biểu 01 kèm theo Công văn này), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc (file mềm gửi qua Email: vudantochieuso@cema.gov.vn) **trước ngày 20 tháng 12 của năm** để theo dõi.

2. Thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín

a) Các tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, phân công quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp thông tin cho người có uy tín

- Phổ biến, cung cấp thông tin: Nội dung, hình thức phổ biến, cung cấp thông tin do các địa phương lựa chọn đảm bảo phù hợp đối với người có uy tín trên địa bàn, trong đó chú trọng thực hiện lồng ghép với hội nghị sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, các hội nghị chuyên đề hoặc các hoạt động khác có liên quan của địa phương.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức: Các địa phương lựa chọn các chuyên đề phù hợp, thiết thực⁵ đối với người có uy tín để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức. Thời gian tổ chức, số lượng lớp, số người có uy tín tham dự, cấp tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình thực tiễn, nguồn kinh phí được giao và quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

⁵ Nội dung theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c) Thực hiện cấp báo cho người có uy tín

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện:

- Cấp 01 tờ/người/kỳ cho người có uy tín của tỉnh một ấn phẩm báo của địa phương hoặc hình thức cung cấp thông tin khác (như: Chuyên đề, bản tin, thông tin nội bộ, v.v...) do địa phương lựa chọn, phù hợp với khả năng tiếp cận thông tin của người có uy tín và nguồn kinh phí được giao.

- Cấp 01 tờ/người/kỳ/tháng cho người có uy tín của tỉnh một ấn phẩm báo của Cơ quan ngôn luận thuộc cơ quan quản lý nhà nước hoạt động trong lĩnh vực dân tộc và công tác dân tộc⁶, có Giấy phép hoạt động báo chí được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật, bảo đảm điều kiện về tôn chỉ, mục đích hoạt động thông tin, tuyên truyền về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, có năng lực và kinh nghiệm xuất bản, phát hành báo cho người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thẩm quyền quyết định phương thức thực hiện và đơn giá ấn phẩm báo cấp cho người có uy tín do tỉnh lựa chọn thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (quy định tại Mục IV.16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

d) Thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết hoặc Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với Tết hoặc Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số, Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan liên quan lựa chọn, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định, phân công cụ thể các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện nhằm thăm hỏi, chúc mừng, động viên người có uy tín và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

đ) Người có uy tín ốm đau đi điều trị bệnh, có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết

⁶ Theo Điều 22 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc quy định Cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc: 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác dân tộc; 2. Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước; 3. Cơ quan công tác dân tộc được tổ chức từ Trung ương (Ủy ban Dân tộc), tỉnh (Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh) và cấp huyện (Phòng Dân tộc) thuộc vùng đồng bào dân tộc.

định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Các tỉnh quy định cụ thể và phân công các cơ quan trực thuộc tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín khi ốm đau, đi điều trị bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của tỉnh và bệnh viện tuyến trung ương, thực hiện theo nguyên tắc: Điều trị ở tuyến nào thì mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại tuyến đó.

Trường hợp người có uy tín phải chuyển cơ sở khám, chữa bệnh lên tuyến trên điều trị (huyện, tỉnh, trung ương): Mức hỗ trợ = (Mức hỗ trợ quy định của tuyến trên) - (Tổng số tiền đã hỗ trợ ở các tuyến dưới).

e) Thăm hỏi, hỗ trợ hộ gia đình người có uy tín gặp khó khăn đột xuất do sự cố, thiên tai, hỏa hoạn⁷; Thăm viếng, động viên khi người có uy tín, thân nhân trong gia đình (bố, mẹ, vợ, chồng, con)⁸ qua đời thực hiện theo quy định tương ứng tại điểm c, d khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

g) Biểu dương, khen thưởng, tôn vinh người có uy tín tiêu biểu thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Cấp tỉnh định kỳ 05 năm/lần tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh, khen thưởng người có uy tín tiêu biểu trên địa bàn tỉnh. Đối với cấp huyện, trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn, quyết định thời gian, hình thức tổ chức cho phù hợp với quy mô, số lượng người có uy tín và tình hình thực tiễn của huyện.

h) Tổ chức Đoàn đại biểu người có uy tín tiêu biểu đi làm việc, giao lưu, gặp mặt, tọa đàm, học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với cấp huyện: Tổ chức Đoàn đại biểu người có uy tín đi trong tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện, được các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh đón tiếp, tặng quà theo quy định.

- Đối với cấp tỉnh: Tổ chức Đoàn đại biểu người có uy tín đi ngoài tỉnh do Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh thực hiện. Việc đón tiếp, giao lưu, gặp mặt, học hỏi kinh nghiệm giữa Đoàn đại biểu người có uy tín của các tỉnh thực hiện theo quy định về chế độ chi tiếp khách trong nước và các quy định khác có liên quan (không thực hiện tặng quà cho người có uy tín của các tỉnh khác).

⁷ Tình huống sự cố, thiên tai, hỏa hoạn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

⁸ Bố ((bố đẻ, bố chồng hoặc bố vợ, bố nuôi); mẹ (mẹ đẻ, mẹ chồng hoặc mẹ vợ, mẹ nuôi); chồng hoặc vợ; con (con đẻ, con nuôi) hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với Đoàn đại biểu người có uy tín của tỉnh khi đến thăm, làm việc với cơ quan Ủy ban Dân tộc (tại các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ và thành phố Buôn Mê Thuột tỉnh Đắk Lắk): Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là đầu mối, có văn bản gửi Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số và Văn phòng Ủy ban) trước 15 ngày làm việc so với ngày dự kiến Đoàn đến. Văn bản đề nghị ghi rõ: Trưởng Đoàn, thành phần, số lượng các thành viên trong Đoàn (danh sách trích ngang các thành viên trong Đoàn ghi cụ thể: năm sinh, dân tộc, giới tính, chức vụ, cơ quan công tác, địa chỉ cư trú) cùng các thông tin: điện thoại liên hệ, thời gian, nội dung chương trình đề nghị làm việc, đón tiếp để Ủy ban Dân tộc tổng hợp, xây dựng kế hoạch đón tiếp Đoàn theo quy định.

3. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 4176/BTC-NSNN ngày 22/4/2024.

b) Đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách: Bố trí nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín và các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đối với các tỉnh khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách

- Sử dụng ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo cơ chế quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện các chính sách quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 7 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm các nội dung: tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp thông tin, cấp báo; hỗ trợ vật chất, thăm hỏi, động viên tinh thần người có uy tín dịp Lễ, Tết, khi ốm đau đi điều trị bệnh, gặp khó khăn, hoạn nạn, thăm viếng khi người có uy tín và thân nhân trong gia đình chết).

- Các tỉnh bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung chính sách còn lại đối với người có uy tín và các hoạt động quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong kế hoạch ngân sách năm sau của tỉnh (theo Biểu 02 kèm Công văn này) gửi Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện theo quy định.

d) Căn cứ quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 1 của Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, điều kiện cụ thể và nguồn ngân sách của địa phương, các tỉnh ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách và bố trí kinh phí địa phương để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín phát huy vai trò, thực hiện tốt hơn trách nhiệm được giao.

4. Tổ chức thực hiện

a) Công văn này thay thế các văn bản: 185/UBND-DTTS ngày 29/3/2018; 392a/UBND-DTTS ngày 20/4/2018; 1881/UBND-DTTS ngày 07/11/2022; 2460/UBND-DTTS ngày 29/12/2023; 128/UBND-DTTS ngày 24/01/2024 và 182/UBND-DTTS ngày 31/01/2024 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là cơ quan thường trực, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan của địa phương tổ chức thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên thu thập thông tin, nắm tình hình địa bàn từ đội ngũ người có uy tín để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả, kinh phí thực hiện (theo các Biểu 03, 04 và 05 kèm theo Công văn này) gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 12 (file mềm gửi qua E-mail: vudantochieuso@cema.gov.vn) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số) theo số điện thoại 024.3762.3208./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: Tài chính, Công an, Quốc phòng, Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Cơ quan CTDT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc UBNDT;
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu VT, DTTS (03b). 5

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nông Quốc Tuấn

(Kèm theo Công văn số 82/UBND-DTTS, ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH.....

Biểu 01

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN NGƯỜI CÓ UY TÍN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM

(Kèm theo/-.... ngày tháng năm của)

Số TT	Số lượng, thành phần Độ tuổi	Số lượng NCUT					Dân tộc	Trình độ học vấn/ chuyên môn	Thành phần người có uy tín*												Ghi chú	
		Trong đó:		Tổng số năm ...	So với năm trước				Bí thư Chi bộ	Trưởng thôn, bản và tương đương	Trưởng ban công tác Mặt trận thôn	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ trí thức DTTS	Người SX, doanh nhân tiêu biểu	Đảng viên	Thành phần khác		
		Nam	Nữ		Tăng	Giảm																
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
1	Huyện A																					
	Dưới 30																					
	Từ 30 - dưới 40																					
	Từ 40 - dưới 50																					
	Từ 50 - dưới 60																					
	Từ 60 - dưới 70																					
	Trên 70																					
2	Huyện B																					
	Dưới 30																					
	Từ 30 - dưới 40																					
	Từ 40 - dưới 50																					
	Từ 50 - dưới 60																					
	Từ 60 - dưới 70																					
	Trên 70																					
	...																					
	Tổng cộng																					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ghi rõ họ tên và ký)

Ghi chú:

- Cột (9): Ghi cụ thể trong tổng số NCUT có bao nhiêu thành phần dân tộc/tổng số thành phần dân tộc trên địa bàn tỉnh và số lượng từng dân tộc của NCUT (ví dụ: có 15/20 dân tộc, trong đó dân tộc Tày: 100 người; dân tộc Thái: 50 người,...).

- Cột (10): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT)/trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học...).

TM.UBND.....

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)

(Kèm theo công văn số 852/UBND-DTTS, ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc)

Biểu 02

UBND TỈNH.....

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ NĂM

Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Thực hiện năm.....					Nhu cầu kinh phí năm						Ghi chú
		Số cuộc	Số người tham gia	Thành tiền			Số lượng NCUT	Số cuộc	Số người tham gia	Thành tiền			
				NSDP	NSTW	Tổng				NSDP	NSTW	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Cung cấp thông tin cho NCUT												
a	Phổ biến, cung cấp thông tin												
b	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức												
c	Cấp báo:												
	Báo địa phương thực hiện												
	Báo khác*												
2	Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần												
a	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán												
b	Thăm hỏi, động viên NCUT ốm đau												
c	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn												
d	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời												
3	Khen thưởng												
a	Công tác khen thưởng												

Số TT	Nội dung chi	Thực hiện năm.....					Nhu cầu kinh phí năm						Ghi chú
		Số cuộc	Số người tham gia	Thành tiền			Số lượng NCUT	Số cuộc	Số người tham gia	Thành tiền			
				NSDP	NSTW	Tổng				NSDP	NSTW	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
b	Hội nghị biểu dương, tôn vinh												
4	Giao lưu, gặp mặt, tọa đàm, học hỏi kinh nghiệm												
a	Tổ chức các Đoàn đi												
b	Đón tiếp các Đoàn												
5	Chính sách do địa phương ban hành												
6	Quản lý, kiểm tra, sơ tổng kết												
	Tổng cộng												

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM.
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú :

- Cấp Báo địa phương và báo khác (thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do địa phương lựa chọn): Ghi cụ thể giá thành 1 tờ báo (gồm: chi phí xuất bản+ chi phí phát hành) x số kỳ phát hành báo/năm x tổng số người có uy tín/số lượng phát hành.

- Mục 2.a: Kinh phí thăm hỏi NCUT dịp Tết nguyên đán, Tết hoặc Lễ hội truyền thống DTTS = tổng số NCUT của ĐP x 500.000 đồng/người/lần x 2 lần/năm (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định 28/2023/QĐ-TTg).

- Mục 2.b và .2c: Tạm tính =10% tổng số tiền của Mục 2.a (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định 28/2023/QĐ-TTg).

- Mục 2.d: Tạm tính = 5% tổng số tiền của Mục 2.a (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg).

(Kèm theo Công văn số /UBDT-DTTS, ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH.....

Biểu 03

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN NĂM.....
(Kèm theo Báo cáo/-.... ngày tháng năm của)

Số TT	Cấp tổ chức	Tổng số NCUT	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin			Tập huấn, bồi dưỡng			Giao lưu, gặp mặt, học tập kinh nghiệm						Cấp báo chí, tạp chí		Hình thức cung cấp thông tin khác				Ghi chú	
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc/lớp	Số NCUT	Cấp tổ chức	Tổ chức trong huyện		Tổ chức trong tỉnh		Thăm Hà Nội, các tỉnh khác			Loại báo, tạp chí	Số lượng NCUT được cấp	Hình thức khác	Số cuộc	Số NCUT		Cấp tổ chức
									Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	Tỉnh																					
2	Huyện																					
	Huyện A																					
	Huyện B																					
																					
	Tổng cộng																					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM.UBND....
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (17): Ghi rõ tên báo hoặc tạp chí do Trung ương hoặc địa phương cấp
- Cột (19): Ghi rõ hình thức cung cấp thông tin

(Kèm theo Công văn số 852/UBND-DTTS, ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH.....

Biểu 04

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
HỖ TRỢ VẬT CHẤT, ĐỘNG VIÊN TINH THẦN VÀ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN NĂM

(Kèm theo Báo cáo/ - ... ngày tháng năm ... của...)

Số TT	Cấp tổ chức	Tổng số NCUT	Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán			Thăm hỏi, tặng quà dịp Lễ, Tết của DTTS			Thăm hỏi, hỗ trợ NCUT ốm đau			Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn			Thăm viếng NCUT và thân nhân qua đời			Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác				Khen thưởng NCUT			Ghi chú
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Hình thức hỗ trợ	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số NCUT	Hình thức khen	Cấp khen	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
1	Tỉnh																								
2	Huyện																								
	Huyện A																								
	Huyện B																								
																								
	Tổng cộng (1+2)																								

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM. UBND.....

(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các cột (6), (9), (12), (15), (18), (22) và (25): Ghi cụ thể cấp tổ chức (tỉnh, huyện tổ chức).
- Các cột từ (19): Ghi rõ hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác (nếu có, VD mua thẻ BHYT cho NCUT không được hưởng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế...)
- Cột (24): Ghi rõ hình thức khen thưởng (Bằng khen, giấy khen...)

UBND TỈNH.....

TỔNG HỢP KINH PHÍ NĂM

Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Kinh phí được giao năm.....					Kết quả thực hiện năm						Ghi chú
		Số cuộc	Số người tham gia	Thành tiền			Số lượng NCUT	Số cuộc	Số người tham gia	Thành tiền			
				NSDP	NSTW	Tổng				NSDP	NSTW	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Cung cấp thông tin cho NCUT												
a	Phổ biến, cung cấp thông tin												
b	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức												
c	Cấp báo:												
	Báo địa phương thực hiện												
	Báo khác*												
2	Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần												
a	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán												
b	Thăm hỏi, động viên NCUT ốm đau												
c	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn												
d	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời												
3	Khen thưởng												
a	Công tác khen thưởng												

Số TT	Nội dung chi	Kinh phí được giao năm.....					Kết quả thực hiện năm						Ghi chú
		Số cuộc	Số người tham gia	Thành tiền			Số lượng NCUT	Số cuộc	Số người tham gia	Thành tiền			
				NSĐP	NSTW	Tổng				NSĐP	NSTW	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
b	Hội nghị biểu dương, tôn vinh												
4	Giao lưu, gặp mặt, tọa đàm, học hỏi kinh nghiệm												
a	Tổ chức các Đoàn đi												
b	Đón tiếp các Đoàn												
5	Chính sách do địa phương ban hành												
6	Quản lý, kiểm tra, sơ tổng kết												
	Tổng cộng												

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM.
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú :

- Cấp Báo địa phương và báo khác (thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do địa phương lựa chọn): Ghi cụ thể giá thành 1 tờ báo (gồm: chi phí xuất bản+ chi phí phát hành) x số kỳ phát hành báo/năm x tổng số người có uy tín/số lượng phát hành.

- Mục 2.a: Kinh phí thăm hỏi NCUT dịp Tết nguyên đán, Tết hoặc Lễ hội truyền thống DTTS = tổng số NCUT của ĐP x 500.000 đồng/người/lần x 2 lần/năm (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định 28/2023/QĐ-TTg).

- Mục 2.b và .2c: Tạm tính =10% tổng số tiền của Mục 2.a (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định 28/2023/QĐ-TTg).

- Mục 2.d: Tạm tính = 5% tổng số tiền của Mục 2.a (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg).

852

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN
UBND TỈNH VÀ CƠ QUAN CÔNG TÁC DÂN TỘC CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ

Mỗi tỉnh, thành phố gửi 02 cơ quan:

1. UBND tỉnh, thành phố.
2. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh.

STT	Tỉnh/Thành phố	STT	Tỉnh/Thành phố
1	Hà Giang	28	Ninh Thuận
2	Tuyên Quang	29	Bình Thuận
3	Thái Nguyên	30	Gia Lai
4	Cao Bằng	31	Kon Tum
5	Bắc Kạn	32	Đắk Lắk
6	Lạng Sơn	33	Đắk Nông
7	Quảng Ninh	34	Lâm Đồng
8	Vĩnh Phúc	35	Bình Phước
9	Bắc Giang	36	Đồng Nai
10	Lào Cai	37	Tp. Hồ Chí Minh
11	Yên Bái	38	Bà Rịa-Vũng Tàu
12	Phú Thọ	39	Tp. Cần Thơ
13	Lai Châu	40	Hậu Giang
14	Điện Biên	41	Sóc Trăng
15	Son La	42	Bạc Liêu
16	Hòa Bình	43	Cà Mau
17	Tp. Hà Nội	44	Trà Vinh
18	Thanh Hóa	45	Kiên Giang
19	Nghệ An	46	An Giang
20	Quảng Bình	47	Vĩnh Long
21	Quảng Trị	48	Long An (Văn phòng UBND tỉnh)
22	Thừa Thiên Huế	49	Ninh Bình (Văn phòng UBND tỉnh)
23	Quảng Nam	50	Hà Tĩnh (Văn phòng UBND tỉnh)
24	Quảng Ngãi	51	Đà Nẵng (Văn phòng UBND TP)
25	Bình Định	52	Bình Dương (Văn phòng UBND tỉnh)
26	Phú Yên	53	Tây Ninh (Văn phòng UBND tỉnh)
27	Khánh Hòa	54	Hải Dương (Văn phòng UBND tỉnh)